TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 131/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2019
V/v TrA chấp: ***Ly hôn***

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Lê Thị Kim Phụng
2.Bà Võ Thị Kim Chi
Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ái L là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đại Lộc.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về trA chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; *có mặt*

- *Bị đơn*: A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019 và tại phiên Toà hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày:

Chị và A Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào năm 2010. Trong quá trình chung sống giữ vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do A T cờ bạc, ghen tuông về đánh đập chị nhiều lần. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Chị xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Nguyễn Văn T để chị được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung vợ chồng có 02 cháu là Nguyễn Văn Hoàng A (sinh ngày 12/5/2010) và Nguyễn Phan Hoàng L (sinh ngày 10/8/2011), hiện sống với cha. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được giao cho A T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, chị được nuôi cháu L và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

A T đồng ý với lời trình bày của chị Phan Thị B về quan hệ hôn nhân của vợ chồng, A thừa nhận bản thân A có cờ bạc, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị B có quan hệ ngoại tình nên lúc nóng giận A có đánh chị B. Nay A xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, A vẫn thương vợ và không muốn gia đình tan vỡ làm ảnh hưởng đến con cái nên A không đồng ý ly hôn.

Về con chung A T thống nhất lời khai của chị B là vợ chồng có 02 cháu là Nguyễn Văn Hoàng A (sinh ngày 12/5/2010) và Nguyễn Phan Hoàng L (sinh ngày 10/8/2011), hiện sống với cha. Nay ly hôn A T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, A T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng A tự thỏa thuận về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại hồ sơ vụ án, cháu Nguyễn Văn Hoàng A có nguyện vọng sống với cha còn cháu Nguyễn Phan Hoàng L muốn sống với mẹ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn Phan Thị B thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt A T tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng A T chị B đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với A T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung: xét yêu cầu nuôi con chung của chị B thì thấy phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu A nên chấp nhận là đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên không can thiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị B thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt, không tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị B và A Nguyễn Văn T thì thấy A chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của A T chị B thì thấy sau khi kết hôn, trong cuộc sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B là do A T thường xuyên cờ bạc, ghen tuông về gây gỗ, đánh đập chị. Còn theo A T giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do A nghi ngờ chị B có quan hệ ngoại tình nên có đánh đập chị B. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị B cương quyết xin ly hôn. A T thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nhưng A vẫn còn thương yêu vợ và không muốn làm ảnh hưởng đến các con nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã nhiều lần kiên trì hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ chung sống nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị B được ly hôn với A T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu về nuôi con chung của A T và chị B thì thấy: Tại hồ sơ vụ án, cháu Nguyễn Văn Hoàng A (sinh ngày 12/5/2010) có nguyện vọng sống với A T còn cháu Nguyễn Phan Hoàng L (sinh ngày 10/8/2011) muốn sống với chị B. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cháu A cho A T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu L cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

A T và chị B không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: chị B và A T không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị B và A T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] *Về án phí*: Buộc chị B phải chịu án phí kiện xin ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên xử cho chị Phan Thị B được ly hôn với A Nguyễn Văn T.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Văn Hoàng A (sinh ngày 12/5/2010) cho A Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Phan Hoàng L (sinh ngày 10/8/2011) cho chị Phan Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu L và A đủ 18 tuổi.

A T và chị B không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí* kiện xin ly hôn số tiền chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị Phan Thị B phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng

(*Ba trăm ngàn đồng y*) chị B đã nộp theo biên lai thu số 0003120 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Đại Lộc.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các cơ quan tiến hành tố tụng*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Quảng Phương*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phượng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ	*Đại Lộc, ngày 07 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

Căn cứ vào các Điều 48, 203 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" giữa:

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

- ***Bị đơn*****:** A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Thời gian mở phiên toà: 15 giờ 00 phút**,** ngày 23 tháng 5 năm 2019

Địa điểm mở phiên toà: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Vụ án được xét xử công khai.

2. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Kim Phụng
- Ông Võ Nam Phước

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Phan Văn Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái L

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân – Kiểm sát viên.

3. Những người tham gia tố tụng khác: không.

Nơi nhận: - Đương sự; - Viện kiểm sát nhân dân H. Đại Lộc; - Lưu hồ sơ vụ án.	**THẨM PHÁN** **Nguyễn Thị Hồng Phượng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /2019/QĐST-HNGĐ	*Đại Lộc, ngày 23 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Phụng
2. Ông Võ Nam Phước

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ái L là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đại Lộc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên toà: bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Xét thấy: Bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019.

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Thời gian mở phiên tòa: lúc 14 giờ 30 phút ngày 17/6/2019.

Địa điểm mở phiên tòa: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc.

Nơi nhận: - Đương sự; - Viện kiểm sát nhân dân H. Đại Lộc; - Lưu hồ sơ vụ án.	**THẨM PHÁN** **Nguyễn Thị Hồng Phượng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

BIÊN BẢN
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN
VÀ HOÀ GIẢI THÀNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 07 tháng 3 năm 2019.

Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có trA chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có trA chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Phan Thị B và A Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung*:*** Vợ chồng thống nhất sau khi ly hôn chị Quỳnh là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Ngọc Diệu OA (sinh ngày 02/11/2016) cho đến khi cháu OA đủ 18 tuổi.

A Tùng chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu OA mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu OA đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

A Tùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Quỳnh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu A Tùng không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng A Tùng còn phải chịu một khoản tiền lãi do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* **Về tài sản chung và nợ chung:** Vợ chồng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

- Về án phí: Án phí kiện xin ly hôn số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng*) A Tùng tự nguyện chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con chung A Tùng phải chịu là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Số tiền trên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) A Tùng đã nộp theo biên lai thu số 0003119 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên thì Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

CÁC ĐƯƠNG SỰ	**THƯ KÝ TÒA ÁN**	**THẨM PHÁN**

THAM GIA HÒA GIẢI	GHI BIÊN BẢN	CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ	*Đại Lộc, ngày 15 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 346/2019/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa:

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, địa chỉ: thôn P, xã Đ huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0775833216; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

- ***Bị đơn*****:** A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đhuyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị B và A Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:* Vợ chồng thống nhất sau khi ly hôn chị Quỳnh là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu là Huỳnh Ngọc Diệu OA (sinh ngày 02/11/2016) cho đến khi cháu Nguyên đủ 49 tuổi.

A Tùng chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyên mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu Nguyên đủ 49 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

A Tùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Quỳnh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu A Tùng không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng A Tùng còn phải chịu một khoản tiền lãi do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng*) chị Quỳnh tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Quỳnh đã nộp theo biên lai thu số 0003052 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc. Hoàn trả cho chị Quỳnh 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung A Nguyễn Văn T phải chịu là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đại Lộc;
- UBND xã Đại Nghĩa ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Phượng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….

Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc

Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc

Đã giao Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện số /TB-TA ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Cho

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….

Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc

Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc

Đã giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số /TB-TA ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Cho

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….

Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc

Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc

Đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án số /2019/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Cho

- *Bị đơn*: A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….

Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc

Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc

Đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số /TB-TA ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Cho: -

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

- ***Bị đơn*****:** A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….

Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc

Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc

Đã giao thông báo về phiên hòa giải số /TB-TA ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Cho: -

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

- ***Bị đơn*****:** A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….
Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc
Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc
Đã giao Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành số
ngày của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc
Cho:

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, địa chỉ: thôn P, xã Đ huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0775833216; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

- ***Bị đơn*****:** A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đhuyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN
***

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201….

Tại Trụ sở TAND huyện Đại Lộc

Tôi là: Bà Nguyễn Thị Ái L - Chức vụ: Thư ký TAND huyện Đại Lộc

Đã giao Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Cho:

- ***Nguyên đơn***: chị Phan Thị B, địa chỉ: thôn P, xã Đ huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0775833216; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

- ***Bị đơn*****:** A Nguyễn Văn T, địa chỉ: thôn P, xã Đhuyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: 0708094866; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....cùng ngày.

Bên giao	**Bên nhận**
Nguyễn Thị Ái L	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GIAO NHẬN TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Hồi …..giờ….phút, ngày..... tháng..... năm.....

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Người giao nộp tài liệu, chứng cứ**:** chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Người nhận tài liệu, chứng cứ: Bà Nguyễn Thị Ái L, Thư ký Tòa án

Đã tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ sau đây:

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn
- 01 khai sinh con chung (bản sao)
- 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản phô tô công chứng)
- CNMD Phan Thị B và Nguyễn Văn T (bản phô tô công chứng)

Biên bản này được lập thành hai bản, một bản giao cho người giao nộp tài liệu, chứng cứ và một bản lưu hồ sơ vụ án.

NGƯỜI GIAO NỘP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ	**NGƯỜI NHẬN TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ**
	Nguyễn Thị Ái L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GIAO NHẬN TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Hồi …..giờ….phút, ngày..... tháng..... năm.....

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc

Người giao nộp tài liệu, chứng cứ**:** chị Phan Thị B, Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Pháp Kế, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0984879906; số fax: không; địa chỉ thư điện tử: không.

Là: nguyên đơn trong vụ án về "Ly hôn"

Người nhận tài liệu, chứng cứ: Bà Nguyễn Thị Ái L, Thư ký Tòa án

Đã tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ sau đây:

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003120 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

Biên bản này được lập thành hai bản, một bản giao cho người giao nộp tài liệu, chứng cứ và một bản lưu hồ sơ vụ án.

NGƯỜI GIAO NỘP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ	**NGƯỜI NHẬN TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ**
	Nguyễn Thị Ái L